TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22-6-2023
Về việc "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Ven;

2. Bà Nguyễn Thị Rê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 05/2023/TLST-HNGĐ ngày 02/02/2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lương Thị Thúy D - Sinh năm 1994 - Địa chỉ: Ấp Hòa Tây, xã BHB, huyện H, tỉnh Long An (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Phạm Chí T - Sinh năm 1986 - Địa chỉ: Ấp 4, xã MTĐ, huyện H, tỉnh Long An; Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Thạnh H1 - Địa chỉ: Ấp 1, xã TT, huyện TH, tỉnh Long An (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 06-12-2022, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Lương Thị Thúy D trình bày và yêu cầu:

Bà và ông Phạm Chí T cưới nhau năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MTĐ, huyện H, tỉnh Long An ngày 06-9-2013; Chung sống hạnh phúc đến

đầu năm 2017 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, đã ly thân từ năm 2017 đến nay.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Phạm Chí T;

Về nuôi con chung: Bà yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Yến T1, sinh ngày 16-8-2013 (đang sống chung với bà), ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia nợ chung: Không có.

- Theo Biên bản lấy lời khai ngày 16-5-2023, các văn bản tiếp theo, bị đơn ông Phạm Chí T trình bày:

Ông và bà Lương Thị Thúy D xác lập quan hệ vợ chồng tháng 3/2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MTĐ, huyện H, tỉnh Long An năm 2013 (không nhớ ngày tháng). Trước khi ông đi chấp hành án phạt tù thì vợ chồng vẫn sống chung hạnh phúc, không có mâu thuẫn. Năm 2019, ông bị bắt và Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 09 năm tù giam về tội mua bán trái phép chất ma túy, ông bắt đầu đi chấp hành án vào khoảng cuối năm 2019. Từ khi chấp hành án đến tháng 6/2022, bà D có đến thăm 01 tháng/01 lần, từ tháng 7/2022 đến nay bà D ngừng thăm nuôi.

Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà D, vì xác định tình cảm bà D đối với ông không còn.

Về nuôi con chung: Ông và bà D có 01 con chưng tên Phạm Yến T1, sinh ngày 16-8-2013. Ông đồng ý giao con chung cho bà D trực tiếp nuôi, ông không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Ông và bà D không có tài sản chung.

Về chia nợ chung: Ông và bà D không có nợ chung.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H nhận xét: Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đối với đương sự, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự theo quy định của pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự được đảm bảo. Về quan điểm giải quyết vụ án: Lời khai nguyên đơn, bị đơn phù hợp nhau đối với các quan hệ về hôn nhân, nuôi con chung, về chia tài sản chung và nợ chung nên đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của đương sự.

- Vụ án không hòa giải đoàn tụ được vắng mặt bị đơn;

- Ngày 31-5-2023, bà Lương Thị Thúy D có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt;

- Ngày 20-6-2023 bị đơn là ông Phạm Chí T có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Lương Thị Thúy D khởi kiện "Tranh chấp ly hôn" đối với ông Phạm Chí T; Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Bà D và ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[4] Xét về hôn nhân:

[4.1] Bà D và ông T chung sống có đăng ký kết hôn ngày 06-9-2013 tại Ủy ban nhân dân xã MTĐ, huyện H, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông T là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] Xét yêu cầu ly hôn của bà D và sự thống nhất ly hôn của ông T:

Bà D cho rằng phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2017 do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau và đã ly thân từ năm 2017 đến nay; Ông T cho rằng mâu thuẫn từ khi ông đi chấp hành án phạt tù (cuối năm 2019) và từ tháng 7/2022 đến nay bà D ngừng thăm nuôi. Xét bà D và ông T xảy ra mâu thuẫn từ năm 2019 do ông T đi chấp hành án phạt tù và kéo dài đến tháng 7 năm 2022 bà D không còn đi thăm nuôi ông T. Xét mâu thuẫn giữa bà D và ông T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà D yêu cầu ly hôn và việc ông T đồng ý ly hôn là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên ghi nhận.

[5] Xét về nuôi con chung:

[5.1] Xét việc bà D yêu cầu và ông T đồng ý về việc bà D được trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Yến T1, sinh ngày 16-8-2013 (đang sống chung với bà D), ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng con chung và phù hợp theo quy định tại các Điều 81 và 82 Luật Hôn nhân gia đình nên ghi nhận.

[5.2] Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà D và ông T được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con

chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 83, 84, 107 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về chia tài sản chung: Bà D trình bày không yêu cầu giải quyết, ông T trình bày không có, nên không đề cập. Nếu xảy ra tranh chấp, các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự là phù hợp quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Về chia nợ chung: Bà D và ông T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập. Nếu xảy ra tranh chấp, đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự là phù hợp quy định tại Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, bà D đã nộp đủ án phí; Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 55, 59, 60, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện của đương sự: Bà Lương Thị Thúy D và ông Phạm Chí T thuận tình ly hôn.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Ghi nhận sự tự nguyện của đương sự: Bà Lương Thị Thúy D được trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Yến T1, sinh ngày 16-8-2013 (đang sống chung với bà D); ông Phạm Chí T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà D và ông T được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về chia nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Bà Lương Thị Thúy D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0001151 ngày 02-02-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, bà D đã nộp đủ án phí.

6. Các đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã MTĐ (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Hùng Vương